

VIÊN-ÂM NGUYỆT-SAN

音 圓



Nam-mô Bồn sư Thích-Ca Mâu-Ni Phật

Tác đại chứng minh

VIÊN - ÂM NGUYỆT - SAN

Tạp-chỉ chuyên-chủ về đạo Phật do Annam Phật-Học-hội

(S. E. E. R. B. A) xuất bản

Chủ nhiệm : Hội-trưởng hội Annam Phật-Học :

S. E. ỨNG-BÀNG

Chủ-bút : Giáo-lý kiêm-duyet : **Ông LÊ-ĐÌNH-THẨM.**

Thơ-từ bài-vở, xin gởi cho :

Annam Phật-học hội Tổng-trị-sự

Boite postale N° 73 Huế.

Ngân-phiếu trả tiền báo, xin đề tên :

Ông Phạm-văn-Vi Phanrang

Giá báo : 12 số = 2\$00 ; 6 số = 1\$10 ; mỗi số = 0\$20

Hội-viên hội Annam Phật-học muốn hưởng 25%, xin
do các Hội-trưởng tỉnh hội gởi mua.

Cáo Ngai muốn khảo-cứu triết-lý của đạo Phật.

Cáo Ngai muốn biết rõ tâm-tánh của mình.

Cáo Ngai muốn biết con đường tu-hành cho đến chỗ
hoàn-loàn.

Hãy luôn luôn đọc :

Viên-âm Nguyệt-san

NHO'N-DUYÊN



Định-danh

Tiểu-thừa nhận có thiết-pháp, nên cho rằng mỗi pháp đều có một nhơn sanh ra, còn duyên chỉ là những ảnh-hưởng phụ-thuộc giúp cho pháp ấy sanh ra. Như hạt lúa là nhơn của cây lúa, đất, không khí, công người, chỉ là duyên. Vì quyết-định phải có hạt lúa mới có cây lúa, còn công-nhơn, đất, không khí v.v... chỉ giúp cho cây lúa mọc mà thôi.

Nhưng đại-thừa không theo quan-niệm ấy, theo đại-thừa, một pháp sẽ là do ảnh-hưởng của tất cả các pháp mà thành (như đã nói trong bài pháp-giới-tánh trong Viên-Âm số 48). Ảnh-hưởng ấy là duyên. Cho nên thiết ra không có một pháp nào làm nhơn sanh ra một pháp nào cả; chỉ tùy tiện hễ ảnh-hưởng nào có quan-hệ mật-thiết, đặt-biệt với việc sanh ra pháp thì gọi là *nhơn-duyên*, hễ ảnh-hưởng nào không có quan-hệ rõ-rệt đến sự sanh ra pháp thì gọi là *duyên*.

Như hạt lúa, đất, không khí, đều là *nhơn-duyên* của cây lúa, còn phân, sâu bọ v.v... là *duyên*,

Bôn - duyên :

Một pháp đã do nhiều duyên nhóm thành, thời các duyên kể ra thật vô-lượng, tựu-trung vẫn có thể chia ra 4 loại :

1) *Nhơn-duyên* : Như đã cắt nghĩa trên, là những

ảnh hưởng quan-hệ hơn hết trong sự sanh ra pháp.

2) **Đẳng vô-gián duyên** : (vô-gián : không xen hở) là cái sức tiếp-tục rất mau không xen hở. Như nhiều giọt nước chảy liên-tiếp làm thành vòi nước, sức chảy mau ấy là đẳng-vô-gián duyên.

3) **Sở duyên-duyên** : Một pháp có tánh-cách, là nhờ đối đãi với các pháp khác. Các pháp đối-đãi đó là sở-duyên-duyên. Như hư-không là đối với sắc-trần mà có ; cái, sáng đối với cái tối mà có.

4) **Tăng thượng duyên** : Là những duyên giúp vào các duyên đã kể trên mà có công dụng làm cho một pháp thay đổi :

a) Nếu sự thay đổi ấy có lợi, nghĩa là giúp cho sự tiến-hóa của pháp ấy thời gọi là Thuận-tăng-thượng duyên.

b) Nếu sự thay đổi ấy mà có hại, nghĩa là làm trở ngại cho sự sinh-tồn của pháp ấy thời gọi là nghịch-tăng-thượng-duyên.

Nhơn - duyên :

1) **Tùy-thuyết nhơn** : nhơn của sự « nhận-biết », hay đúng hơn của sự « danh-tướng phân-biệt » tạo thành hình tất cả các pháp-tướng. *Tướng phân-biệt* là nhận-biết các hình-dáng, còn *danh phân-biệt* là sự nhận-biết tánh cách vật này khác với vật khác. Như

màu xanh hình thuẫn là do **Tướng** phân-biệt phát ra, cái lá là do danh phân-biệt tạo thành.

2) **Quán-đãi nhơn** : Theo nghĩa hẹp là sự nhận-biết hiệu-dụng của các pháp : như hiệu-dụng của cái ghế là để ngồi, một vật tuy có hình cái ghế mà không ngồi được cũng không thể thành ghế được, như bóng ghế trong gương vậy.

Nhưng nếu xét sâu hơn thì **Quán-đãi-nhơn** (quán-sát sự đối-đãi) là do sự quán-sát nhơn-quả tương-tục của sự-vật mà thành ra có các việc chia nhơn duyên và có cái nghĩa phát sanh sự-vật.

3) **Khiên dẫn-nhơn** : Do những nhơn quá-khư phát-sanh ra quả hiện-tại.

4) **Sơ-khởi nhơn** : Tất cả các nhơn chung cùng sanh khởi một sự vật, như đối với tâm, trứng tâm, không khí, đều là sơ khởi nhơn. Còn trứng tâm đối với bướm tâm là khiên-dẫn nhơn.

5) **Nhiếp-thọ nhơn** : Là nhơn của sự lãnh-thọ ; Sự nhóm họp của ảnh-hưởng các nhơn mà tạo thành.

6) **Dẫn-phát nhơn** : Nhơn của sự-tiếp-tục lưu-hành của một vật.

7) **Đồng-dị-nhơn** : Nhơn của tánh cách khác nhau.

8) **Đồng sự nhơn** : Nhơn của tánh-cách giống nhau.

9) **Tương-vi-nhơn** : Nhơn trái với sự sanh-hóa.

10) *Bất-tương-vi-nhơn* : Nhơn không trái với sự sanh-hóa.

Tương-vi-nhơn và bất-tương-vi-nhơn là ảnh-hưởng đã nhận thấy trong một vật rồi, còn tăng-thượng-duyên là ảnh-hưởng hiện tại. Như một cây đang bị nắng, nắng là nghịch-tăng-thượng-duyên, nếu cây đã bị nắng nhiều ngày trước mà nay phải khô-héo, thời nắng trong những ngày đã qua ấy là tương-vi-nhơn.

Ap-dụng về tâm :

1) *Tùy-thuyết nhơn* : Do danh-tướng phân biệt mà có tâm có cảnh.

2) *Quán-dãi nhơn* : Do sự quan-sát nhơn quả tương-tục nơi tự-tâm mà có nghĩa nhơn duyên sau này.

3) *Khiên-dẫn nhơn* : Các sự huân-tập quá khứ.

4) *Sơ-khởi nhơn* : Chũng-tử hiện-tại đủ nhơn duyên mà hiện-hạnh.

5) *Nhiếp-thọ nhơn* : Hiện-duyên làm cho chũng-tử tăng-trưởng và có-thể phát-khởi.

6) *Dẫn-phát-nhơn* : Hiện-duyên làm chũng-tử sanh hiện-hạnh.

7) *Đồng-dị-nhơn* : Các chũng-tử khác nhau như chũng-tử tham và sân.

8) *Đồng-sự-nhơn* : Các chũng-tử đồng-tánh như chũng-tử tham và sân.

9) *Tương-vi-nhơn* : Là những chúng-tử làm tổn hại lẫn nhau như huệ và si.

10) *Bất-vi-tương-nhơn* : Những chúng-tử không trái với sự phát triển của nhau : như vô-kỷ và thiện, ác.

TÔI THEO PHẬT

Biết-bao người thấy ai hành-động khác đời thì vội cho là rồ-dại, khác nào hai chàng trẻ tuổi trong chuyện ngụ ngôn thấy ông già đã ngoại tám mươi còn cố công gieo hạt cam ở vệ đường mà chế riếu. Đã nhiều lần có người hỏi tôi, khi họ đã chế nhạo chán, vì sao tôi cũng như anh em trong Đoàn, có cái cử chỉ lạ-lùng đi theo học Phật, toàn tìm những thú vui trong cuộc đàm đạo, ngoài ra không màng những thú vui chơi mà họ cho là hợp thời, hợp tuổi trẻ. Người cho là cử chỉ điên rồ, kể cho là lợi dụng lòng tin quần chúng để trục lợi. Ủ, còn gì điên rồ bằng tự ràng buộc mình trong vòng tôn giáo, tự cấm mình những thú chơi mà người trẻ tuổi thường dẫn mình vào ? Phải, còn gì dễ bằng lợi dụng lòng mê-tin dân gian chuyên buôn bán thần, ở đâu và lúc nào chả có ? Những lý-do họ nêu lên không phải là ít, tôi còn kể làm gì ? Vẫn biết rằng : « Kết quả sẽ bầu chữa cho việc làm » nhưng mục đích của tôi khi theo Phật và vào đoàn Phật-hóa không phải một thời gian ngắn-ngủi mà có thể đạt được — nên tôi có mấy lời để giải bày cử chỉ của tôi và cũng để giải thích một phần mục đích của đoàn chúng tôi, ngõ hầu đánh tan cái nghi ngờ của quần chúng để có thể làm việc một cách dễ dàng, và biết đâu sau khi hiểu rõ mục đích chúng tôi chả có nhiều bạn hưởng ứng — Đồng chí trong cần, xưa nay trong xã-hội bao giờ chả có.

Có một tiếng mà thanh-niên bây giờ nói đến đã gồm sợ, là chữ tôn-giáo.—Tiếc thay chữ ấy hay biết là bao mà bây giờ vì sự lạm dụng nó biểu nghĩa đến nỗi nghe tới nói người ta chán nản, người ta tưởng gặp phải một hang sâu vực thẳm, một bức tường dày đặc.—Tôn giáo là gì? Tôn nghĩa là chỉ chánh — Giáo là một cách tu tập một phương đề luyện tâm-trí. Chữ tôn-giáo gốc ở đạo Phật,—nó chỉ là những phương pháp các vị tổ sư đã đặt ra cho đệ-tử tu cho đến chánh quả. Theo cốt nghĩa, tôn-giáo không có ý gì về sự lễ bái một thần quyền nào, và nhất là không có tính cách dị đoan gì cả. Về sau người Nhật-Bồn dùng chữ tôn-giáo dịch chữ religion. — Từ đây tôn-giáo mất chính nghĩa. Người bây giờ hiểu chữ tôn-giáo theo chữ religion nghĩa là lễ thờ một vị giáo chủ hoặc một vị thần quyền nào có tính cách dị đoan. — Thêm vào đấy là một mớ kinh điển tối tăm và những giới luật ràng buộc bản-ngã cá-nhân lại. Đối với thanh-niên, thờ phụng lễ bái thì phiền phức, tin các vị thần quyền dị đoan thì không hợp với óc khoa học, giới luật không cho họ được tự do.—Tôn-giáo hiểu như thế thì ta cũng không trách gì thanh-niên sợ tôn-giáo, và đã sợ thì không bao giờ tìm hiểu biết được,—nhưng Phật-giáo có phải là tôn-giáo theo họ hiểu không.

Trái với những thành-kiến thanh-niên, Phật-giáo không bắt buộc thờ một vị giáo-chủ nào hết. Trong kinh Mục-Kiền-Liên Phật nói : « những chúng sanh chỉ lo tạc tượng xây cho được tám đợt phù đồ, rồi để đấy cho mưa gió dập vùi thì chẳng những chẳng được phước gì mà lại có tội nữa ». Đạo Phật là một phương pháp cứu người, ngoài ra thờ phụng lễ bái đều là tự ta cả, sùng-bái đức Phật, ta muốn luôn luôn có hình ảnh ngài trước mặt, biết ơn ngài đã chỉ cho ta phương pháp thoát khổ nên ta thờ phụng ngài. Phật-giáo khác hẳn với thần-giáo, không bao giờ bắt buộc tin điều gì ta không hiểu. Một hôm có người bạch Phật rằng : « Ngài dạy tôi theo chánh đạo, người Bà-la-môn cũng nói đạo họ là chánh đạo còn ngoài ra là tà-đạo cả, vậy tôi nên theo đạo nào ? »

phật bảo : « Người đừng nên tin lời nói Bà-la-môn mà cứ
đừng tin lời nói tôi, chỉ khi nào người hiểu biết và nhận
thấy lời nào đúng với chân lý sẽ theo ». Đặc điểm của đạo
phật là đề tự chúng-sinh tìm hiểu lấy mà theo, đạo Phật
không bắt buộc ai phải tin cả.

Phật pháp vô lượng vô biên, Phật tùy căn - cơ của
chúng-sinh mà nói pháp, đối với chúng-sinh căn - cơ thấp
kém thì lấy lẽ hiển nhiên mà nói pháp, đối với chúng-sinh
căn - cơ bậc thượng thì dùng pháp cao siêu. — Xưa ông Xá-
lợi-Phất bị ngài quở vì ông dạy cho anh thợ rèn tập quán
bất - tịnh, anh thợ mã học quán sô - tức, đó chỉ vì không
biết lượng căn - cơ họ mà dạy bảo. Phật đã từng thuyết
Pháp cho vua, chúa, công, hầu nghe, ngài đã từng thuyết
pháp cho khách thương, ca - kỹ, những bậc hạ-lưu nữa. Vậy
đối với thanh-niên, chắc hẳn ngài cũng có những pháp-
môn hợp với lý-trí, tình - cảm họ được.

Người trẻ tuổi thích hoạt động bãng hái làm việc, thì
đạo Phật chính cho ta một năng-lực để giữ tinh trẻ trung
ấy mãi. Đức giáo-chủ của ta là hình ảnh hoạt động. Không
muốn nối vua cha, yên hưởng mùi thiên tử, ngài quyết đi
tìm đạo để cứu người. Sau khi chứng quả dưới gốc Bồ-Đề
ngài chu - du thuyết pháp suốt khu-vực sông Hằng ; trong
49 năm trời trải bao tàn khốc, nhuộm mùi tuyết sương,
ngài chỉ một mục-dịch là cứu chúng-sinh ra ngoài bể
khổ. Cho đến lúc gần viên tịch, ông A-Nan là đệ tử thân
yêu khóc lóc, ngài bảo : « Đệ-tử chớ nên khóc lóc làm
gì — mọi vật trong đời đã sinh thì phải diệt. Cái thân ta
ô-uế này có nên tiếc làm gì, — chỉ nên mừng cho được
thoát khỏi nó ! » Đáng phục thay, lời nói cuối cùng của
ngài cũng vẫn không ra ngoài mục-dịch là rửa lòng mê
cho chúng-sanh. Ngài đã bãng hái làm việc và đã vui-vẻ
nhận cái chết. Vì đối với ngài thân thể, phú-quý có ra gì.
Người đạo Phật đã rõ lý vô ngã, vô chúng-sanh, vô thọ-giả
nên tinh-thần hùng-dũng không bờ không bến, không mấy
may xúc động trước một sức mạnh, đầu của vũ-trụ. Thấy
Huyền-Trang một mình một ngựa, dám cả gan đi từ Tàu

sang Tây trúc, vượt biết bao đèo núi, qua bao nhiêu sa mạc mênh-mông, xông pha qua những xứ man di, chỉ thấy người ngoại xứ thì làm thọt. Chính vua Đường Thái-Tôn cũng có chỉ cấm ngải ra khỏi nước Tàu, cho đến nhiều lúc ra ải-quan gặp bạn hữu nhiều người thấy đường đi nguy hiểm cũng can ngăn ngải, ngải đã phát tâm đi tìm đạo thì không bao giờ nản chí. Lòng dũng mãnh ấy đã vượt qua mọi sự khó-khăn và thấy đã được mục đích. Cũng như thầy Huyền-Trang, ông Ba-Nặc đã không ngần ngại phát nguyện sang truyền giáo cho rợ-rô-nô-ba-lạp-đa. Phật hỏi : « rợ ấy độc ác lắm, nếu ông đến nơi mà chúng nó, nói ác, chửi rủa ông thì ông nghĩ sao ? — Ba-Nặc đáp : Nếu người rợ rô-nô nói độc, nói ác, chửi rủa tôi thì tôi nghĩ rằng họ chắc là người lành tốt, vì họ không đánh tôi bằng tay, ném tôi bằng đá. — Nhưng người rô-nô đánh ông bằng tay, ném ông bằng đá thì sao ? Tôi nghĩ rằng họ cũng là người hiền lành, người tốt, vì họ không đánh tôi bằng gậy, đâm tôi bằng gươm. — Nếu họ đánh ông bằng gậy, đâm ông bằng gươm thì ông nghĩ sao ? — Tôi thiết tưởng họ vẫn là người lành, người tốt vì họ không đánh đến chết. v.v. » Lòng dũng mãnh của ông đã lên tới cực điểm. Với lòng ấy ta không ngần ngại gì hiểm của cải, thời giờ, và đến thân thân này nữa để giúp ích cho đồng bào.

Thanh niên Phật-giáo sẽ học cho « cho » với nghĩa rất rảo ủa nó. Chúng được thuyết « đồng thể duy tâm », lòng từ bi bác ái không còn so đo sai khác, cho mà không biết mình cho nữa vì cho đó chỉ là một cử-chỉ dĩ-nhiên, cho mà không phân biệt người giàu người nghèo vì Phật-giáo không phân chia giai cấp.

Tôi nói thế không phải là muốn nói người theo Phật-giáo ó thể liêu-linh, nhắm mắt nhận cái chết, — không —. Người ấy hiểu rõ cử chỉ mình lắm. Bao giờ thấy hy-sanh của mình có ích lợi cho người khác thì mới hy-sanh. Thuyết nhân quả là gốc của hạnh vì người theo đạo Phật.

Hầu rõ lý nhân quả, ta hiểu rằng muôn sự ở đời đều tự ta tạo ra. Sướng, khổ, vui, buồn ta phải chịu đựng hoặc

ăn hưởng bây giờ đều do những hành-vi, tư-tướng của ta đời quá khứ. Bạn làm ăn mắc nhiều sự rủi ro, lúc ốm đau lúc bị bạn hữu lừa gạt, đó cũng vì trước bạn đã vụng dại, mê lầm. Những nỗi khổ hoạn ấy do ba nghiệp chướng tham sân si,— bạn không trách vào ai, chỉ tự trách mình đã mang lấy nghiệp vào thân, cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.

Lý nhân quả cho ta một chí nhẫn nại vững chắc như đá đủ sức chịu đựng những nỗi vui buồn ở đời. Lòng ta vì thế được tự tại. Người đời thường hiểu nghĩa tự do là không bị ai áp bức, giam cầm, viết sách, viết báo không bị kiểm duyệt. Như thế có thể nói là tự do được chăng? Thấy đau yếu, khổ sở, hết nạn này đến nạn kia, họ trách trời trách đất, đâm ra đi bói toán, cầu khấn thánh thần. Người đạo Phật chỉ lo tu nhân tích đức để tự cứu khổ, không cần một sức mạnh nào. Đó là tôi chỉ nói sự tự do trong bậc nhân-thừa. Bậc nhân - thừa tuy vậy chưa được hoàn toàn tự do, vì thấy đói còn phải ăn, thấy khát còn phải uống, thấy sắc dục lòng còn quyến luyến. Ta ưa uống rượu, bữa ăn không có rượu đã thấy khổ sở, lúc chia tay bạn bè, lòng ta thấy ngậm ngùi. Bậc thiên - thừa chứng được phép ly ngũ - dục lòng không bị cảnh ấy lay động. Càng tu lên bao nhiêu,— đến quả A-la-hán, Bồ-tát— còn nói chi đến quả Phật. Thì lòng lại càng tự tại lên bậc nữa. Chỉ người thanh-niên phật học muốn một đức tính tự tại không thôi chuyền nên càng ngày càng tu, tu bao nhiêu thì thấy thanh-thời bấy nhiêu. Tuy đường dài thăm-thẳm, nhưng Phật đã dạy cho ta phép tinh tấn, tinh tấn-nghĩa là bao giờ cũng thẳng tiến không trở lại. Kiếp này chưa đạt thì kiếp sau, một trăm năm chưa đạt, thì ngàn vạn năm. Đối với người theo Phật, thời gian có kể là bao, người ấy nhận thấy cái chân tâm thường-trú, nên như vua Ba-tư-Nặc đầu thấy má nhẵn nhoe, lưng còng nhưng tinh-thần bao giờ cũng là tinh-thần một người măng trẻ. Trau dồi hạnh tinh tấn, hiểu nghĩa chân tâm ta làm gì mà không đạt mục đích.

Một lòng hằng hái mạnh mẽ không bao giờ thoái nản, một trí hoạt động không lúc nào ngơi, một sự tự do không

bờ không bến và một lòng từ-bi bác-ái không so-đo cân-nhắc đó là những đức tính tôi tìm trong Phật-giáo, và tôi chắc đó là nguyện vọng của thanh-niên, vậy thanh-niên đợi gì mà không bỏ lòng theo đức Phật, **Lê-hữu-Hoài**

(Trong đoàn Phật-Học đức dục)

LỄ KHÁNH - THÀNH CHÙA VATPHRAKEO Ở VIENTIANE

Tiếp được thư Ngài Hoàng. S. A. Tiao Phetsarath, président du centre d'activité de Vientiane de l'Institut Bouddhique ngõ ý trông-mong Hội Annam Phật-học sẽ cử Đại-biểu lên dự lễ khánh-thành chùa Vatphrakeo cử-hành tại Vientiane ngày 28-4-42. Hội đã cử Thầy Thu-chúng kiểm-soát trường Phật-học của Hội là thầy Hứa-khắc-Lợi pháp-danh Thích Thiện-Hòa và Mr Lê-đình-Thám Giáo-lý kiểm-duyet của Hội.

Hai vị Đại-biểu đã khởi hành ngày 22 Avril và trở về Huế ngày 2 Mai, sau đây là bài tường-thuật của hai đạo-hữu.

Nam-mô A-Di-Đà Phật

Được cử đi dự lễ khánh-thành chùa Vatphrakeo ở Vientiane, chúng tôi khởi-hành tối ngày thứ tư 22-4-42 do chuyển tàu suốt ra Đông-Hà ở tại Bangalore. May gặp được người quen là ông bà Claret cho biết rằng sáng thứ sáu mới có xe thơ lên Thakhet, rồi sáng thứ bảy mới có chaloupe đi Vientiane. Ông ấy lại cho biết rằng một Đoàn-thể đại biểu ở Cao-man cũng sẽ đến Đông-hà tối thứ năm và cùng đi chuyển xe thơ ấy. Đoàn Cao-Man đã giữ trước tất cả các phòng của Bangalore, chắc ngày mai không thể ở được, nên ông bà mời chúng tôi về nhà riêng an-

trú. Nhà cũng rộng rãi từ-tế. Lúc từ-biệt, chúng tôi ngỡ lời thăm-cảm ông bà đã có hảo-tâm hậu-dãi chúng tôi.

Sáng thứ sáu (vì tối thứ năm tàu đến trễ lắm không thể đợi đón ở Ga được) chúng tôi đến thăm các Đại-biểu Cao-Man, nhờ có quen với thầy Pankhat (thầy có ghé Huế thăm Hội hai năm về trước) mà sự giao-thiệp rất mau thân-mật và từ đó hai đoàn-thể cũng đi với nhau tới Vientiane. Đoàn-thể Cao-man có ông Dupont, Secrétaire général de l'Institut de Bouddhique de Phnom-penh, hướng-dẫn, lại có ordre de route và réquisitions đủ cả, nên có phần dễ đi đường hơn nhiều, quá Tchépone có bắt trồng đậu nhưng chúng tôi đủ giầy. Đến Thakhet đã tối, nhờ các Đại-biểu Cao-Man nhường một phòng tại Bangalow nên nghỉ được yên-ổn ; Thầy Thiện-Hòa thì nghỉ với các thầy Cao-Mên tại chùa Thakhet. Sáng thứ bảy, xuống chaloupe đi Vientiane, các couchette đều cũng đã bị giữ trước, nhờ Đoàn Đại-biểu Cao-Man nhường cho ít chỗ nên không đến nỗi cực-khổ. Chaloupe đi ba ngày mới tới bến gần Vientiane ; ở đó đến Vientiane, còn phải đi cyclo pousse tới một giờ đồng hồ.

Cả ngày sau trời mưa tầm-tã, nên chúng tôi phải ở lại Bangalow không đi đâu được. Chiều có ông Đốc-học Trần-văn-Phú đến thăm ; ông là Hội-trưởng Hội Phật-Giáo Annam mới thành-lập ở Vientiane. Ông rất lấy làm vui mừng được gặp chúng tôi ; ông dắt chúng tôi đến thăm thầy Hòa-thượng đầu lĩnh ở chùa Valsisakhet, được ngài tiếp rước niềm-nở, rồi ngài mời thầy Thiện-Hòa ở lại chùa, còn ông Đốc-Phú thì mời tôi lại nhà ông. Ở Vientiane người Annam nhất là thuộc Bắc-kỳ rất đông, vừa rồi đã lập Hội Phật-giáo và hiện đang cất một ngôi chùa khá rộng. Chúng tôi thiết tưởng hội chúng ta nên thường giao-thiệp với hội Vientiane gửi các sách vở đã xuất-bản, và tìm cách đăc-dầu nhau theo con đường chánh-pháp

Chúng tôi hồi mới biết con đường chúng tôi vừa mới đi đó là tiện-lợi hơn hết, dầu ngoài ra còn có hai con đường khác : một đường từ Vinh tới Thakhet, một đường từ Vinh đến Xien-khuoang, Luang-Brabang rồi từ Luang - Prabang đi xuống Vientiane. Hai con đường này thường bị hư-hỏng, trong mùa mưa lụt, thường đi không tiện.

CHÙA VATPHRAKEO

Vatphrakeo là một chùa cổ-tích, Vát nghĩa là Chùa, Phra là bực giác-ngộ, keo là ngọc ; Vatphrakeo là Chùa Phật-ngọc. Tục truyền có một tượng Phật ngọc-bích do một vị La-hán tạo thành, và trong lúc tạo đã chú-nguyện hễ tượng này đến đâu thì Phật-pháp thanh-hành đến đấy. Tượng này từ Ấn-độ qua Tích-lan, Tích-lan cho vua Miến-điện thỉnh về, nhưng vì bão-tổ đi không được, phải đem về Cao-mên thờ tại chùa Ang-kor, về sau vua Ai-Lao đánh giặc thắng-trận và thỉnh tượng về thờ tại Vientiane. Tượng này thờ ở Vientiane lâu năm lắm. Tục truyền tượng rất linh-hiển như tượng Phật vàng tại Luang Prabang. Về sau vua nước Xiêm đánh Vientiane và đem tượng Phật này về thờ tại Bangkok. Tượng Phật đã mất chùa cũng hư-nát, tục truyền tượng Phật-ngọc đã có một lần tự trở về Vientiane, phóng hào-quang rực-rỡ ở Vatphrakeo, nhưng vì chùa hư-nát cả nên lại trở về Bang-kok. Chùa Vatphrakeo bị bỏ hoang phế như vậy 300 năm, đến bây giờ mới sùng-lu lại, tốn-phi hết 70000 đồng, làm trong 6 năm mới xong.

Chùa Vatphrakeo như nhiều chùa khác ở Lào, có nền rất cao, chung quanh có đường dùng đạo rất rộng, phía trước đường ấy rộng 6 thước tây, ba phía khác rộng hơn 3m. giữa lòng chùa, một phòng rộng-rải thờ một tượng Phật lớn ở giữa bằng đồng cao độ 3m. Trước tượng ấy có một tượng Phật nằm, và hai bên có 2 tượng Phật nhỏ hơn. Tượng Phật

giữa là tượng ngồi, một tay để trước bụng một tay để trên đầu gối ngón chỉ xuống đất như khi Phật dạy với Ma-vương rằng chính cái đất này cũng có thể làm chứng cho công hạnh vô-lượng vô-biên của Ngài.

LỄ KHÁNH-THÀNH CHÙA VATPHRAKEO

Lễ này đáng lẽ làm ngày 27 Avril, nhưng vì đường hư, vua ngự xuống trễ, nên mới khởi sự làm ngày 29 buổi mai lúc 9 giờ Lễ rất đơn-giản, nhưng rất trang-nghiêm vì lòng tin-ngưỡng đối-dào của vua và triều-thần. Sau khi làm lễ, vua phát bằng cho các thầy đã thi Đâu-bực đầu về Phật-pháp và được phép thọ giới Tỷ-kheo, rồi quan Khâm-sứ gán mẽ-day cho những tín-đồ có công về việc sùng-tu chùa.

Buổi tối xung quanh chùa thắp đèn rực-rỡ, có chiếu projecteurs phía trước chùa ; 7 giờ 30 các thầy lễ tự, các thiện-tín đưa mỗi thầy một cái đèn sáp và một cái chùm bóng ; các thiện-tín cũng cầm đèn, hương, bông. Sau khi các thầy tụng kinh trước tiền đường thì các thầy đi trước, tín-đồ đi sau, đồng đi nhiều chùa ba vòng rồi vào chùa lễ Phật, tụng kinh và thuyết-pháp.

Nghi-lễ thuyết-pháp rất long-trọng : một tín-đồ thỉnh sư, các tín-đồ đồng lễ-bái ; hai thầy nhỏ đem ghế thuyết-pháp để giữ chùa, một thầy đứng đàn tụng các câu kệ khai kinh. Tín-đồ thỉnh một lần nữa ; thầy giở kinh thuyết-pháp, đọc trường hàng rồi đọc chú-giải một cách rất tự-nhiên, thầy thuyết pháp xong, tín-đồ lay tạ, rồi các thầy tụng kinh hoàn lễ.

Nghe nói còn có một lối thuyết-pháp bằng văn đáp rất có ảnh-hưởng đến quần-chúng. Theo lối này thì một thầy hỏi, một thầy trả lời chớ không giở kinh giảng diễn như lễ vừa rồi. Cách thuyết pháp

vấn đáp này, tương cũng nên thiết hành ở xứ ta, để cho tín-đồ mau hiểu các yếu-điểm của đạo Phật. Ngoài các lễ vừa kể trên, còn nhiều lễ khác, nhưng ít có tư - cách tôn - giáo, như nhảy múa, đốt pháo bông v.v. .

PHẬT - GIÁO Ở XỨ AI - LAO

(Lời tường thuật của thầy Thích-Thiện-Hòa)

Muốn biết thêm về Phật-giáo ở xứ Lào, chúng tôi có đến thăm chùa Sisaket của hòa-thượng Takhamkeo là một vị đại đức ở gần chùa Vatphrakeo.

Chùa Sisaket gồm có chùa thờ Phật và Nhà Tăng. Chùa này cất theo kiểu xưa, 4 phía cất nhà cầu giáp vòng, trong nhà cầu ấy để hai lớp Phật, lớp trên Phật đá, lớp dưới Phật đồng, trên vách lại có lỗ hũng, trong mỗi khuôn hũng ấy cũng có tri 2 tượng Phật nhỏ phết vàng, ở giữa vòng nhà cầu, có chánh-diện cao, trong đó thờ tượng Phật Thích-ca bằng ciment ngồi, cao chừng 4m, cái đế tượng hình hoa sen cao ngang đầu người, tay tượng to chừng một dm; trên trần diện, có gắn hoa thiết rã thông xuống, bốn phía vách diện cũng có lỗ hũng để Phật nhỏ đầy cả. Nơi chùa chánh này chỉ cúng hương hoa mỗi tháng vài lần là mừng một và rằm thôi.

Bên Chùa có nhà tăng của Hòa-thượng ở làm theo kiểu nhà sạng, chơn cao độ 2m trong nhà có thờ nhiều tượng Phật cao từ 2 tấc tới 1m, trên bề thờ luôn luôn thiết hương, hoa, quả cúng dường. Hằng ngày có các thiện-nam, tín-nữ Lào và Nam đến cúng.

Chỗ nhà tăng này, tụng kinh mỗi ngày 2 lần : mai 5 giờ và chiều 6 giờ, mỗi lần tụng độ chừng 15

phút. Trước khi tụng có đánh một hồi cồng cho chúng tề tựu, sau khi tụng, đại-chúng tề hành đến bên Cự Hòa - thượng lay 3 lay rồi ngồi hầu Cự dạy chuyện một chặp, xong, lễ rồi mới lui ra.

Chùa này lại có nhà dạy học chữ Pali gần một bên, 2 lớp chừng 40 học-sanh, một năm nghỉ độ 4 tháng vacances, bắt đầu từ tháng giêng. Trường này chỉ chuyên dạy kinh Pali cốt dạy học trò biết phép tu, chứ không dạy môn chi khác nữa. Mỗi lớp đến cuối năm đều có thi, nếu biết tiếng Lào, học độ 3 năm đã xem kinh Pali được.

Về sự khất-thực thì chùa này sớm mai chừng 6 giờ Hòa-thượng mang bình-bát đi trước, tay cầm cây quạt thêu lớn có cán giải để che nắng, 5, 7 chú tiểu theo sau : đi chừng 20 phút về dùng bữa mai. Giữa trưa, có các nhà tín-thí đem cơm cúng. Nhưng chùa khác, không được thiện-lín cúng giỗ dáo như thế, thì phải đi khất-thực hết.

Về lối tu, xứ Lào cũng khác ta, Phật-giáo ở Ai-lao cũng như ở Cao-Mên, chỉ có hai phái Tiểu-thừa là phái Ma-Ha-Ni-Cay (Đại-chúng) và phái Thammayaka (Đàm vô-đức hay là Pháp-Thượng) Ngoài hai phái đó thì in tuồng trong núi cũng có người tu hạnh đầu-đà hoặc tu theo phái Du-già và giữ giới của phái Tát-bà đà (như không đạp cỏ non) nhưng đấy chỉ là nguyện riêng của mỗi người chứ không thành tôn-phái.

Trong các phái này mười giới sa-di đều thường giữ được hoàn toàn ; giới Tỷ-kheo. oai-nghi, thanh-quy tuy có thêm bớt ít nhiều, nhưng phần nhiều cũng gần giữ đủ ; chỉ có phần nhiếp lục căn thì duy các vị đại-đức mới thuần-thục.

Lại ở Ai-lao một thầy khi xuất-gia và khi xã-giới đều có tâu lên vua biết cả, muốn thọ-giới tỷ-kheo cần phải học

và thi, có khi đậu được bằng cấp vua ban mới được thọ-giới tỳ-kheo. Thọ-giới Tỳ-kheo rồi tùy theo chỗ tu-học còn phải thi lên nhiều bậc nữa rồi mới được làm Hòa-thượng đầu lĩnh hoặc làm Đốc-giáo các trường Đại-học. Các thầy khi đậu tùy theo bậc cao thấp, hoặc tu lâu năm, đến khi xả-giới về ở thế-gian cũng được tôn-kính một cách đặc biệt, gọi là Thích là Chàng như trong xã ta gọi là thầy Tú, thầy Cử v. v. . . Có khi xã giới rồi cũng có thể làm quan, lỏng, lý và rất được người tin cậy, quý trọng.

Vả lại, trên Lào, từ vua quan chỉ dân gian phần nhiều ai lúc nhỏ đều nguyện vào chùa học kinh, tu ít lâu rồi mới được công-chúng công-nhận là người trưởng thành ; lắm khi vì sự báo hiếu, có người nguyện tu để cầu cho cha mẹ siêu thăng là khác.

Phật giáo phổ thông như thế, cho nên kinh điển ai cũng biết ít nhiều, và thường các bà mẹ đã bắt đầu kể cho con nghe sự tích Phật cùng các tích Phật lúc còn 3, 4, tuổi.

Về phương pháp tu, thời trừ ra các người phát nguyện riêng không kể, còn phần nhiều tăng chúng thường tập hành hai phương - pháp :

1) Mỗi đêm riêng ngồi tụng kinh thầm và mỗi năm tu gặt 15 ngày, giữ không đập trúng kiến, không dẫm cây, không nhổ cỏ, chỉ ăn sơ sài rồi lo tụng kinh suốt ngày, không để ý đến cảnh ngoài, có lúc nhập thất như ở xứ ta.

2) Một ngày tụng hai khóa ; mai 5 giờ chiều 6 giờ đi khất-thực về rồi lo học hành, tìm sớt những lời của Phật dạy mà sửa mình, đoạn trừ phiền não nghiệp-chướng v. v. . .

Các ngài phần nhiều đã sạch tâm danh-lợi chỉ mỗi ngày hành khất vừa đủ nuôi sống, không dồn chứa của vật làm món sở-hữu của mình,

Về sự ăn mặc chỉ có một sắc một kiểu, mỗi tháng thầy trò đồng cạo tóc hai lần, đầu tháng và giữa tháng, cạo cả mày nữa.

Về tướng trạng của các thầy Lào, có một phần người da trắng, diện mạo như người Annam ta, về tánh-cách giao-thiệp thì các thầy giữ một mặt chân-thật, ít phần phân-biệt đua tranh về lối kiến-thiết, chỉ chuyên chú an-tâm tu-trì. Thế nên chúng tôi có thấy đôi ba cái chùa sập đổ, chỉ còn đứng một vài cây cột gạch, tượng Phật ngồi giữa trời mà không che đậy, lúc nào vua và các nhà thí-chủ làm được thì lo làm lấy, các thầy không hề nhọc tâm về việc ấy. Xem thế biết quý thầy rất trọng về tinh-thần mà không kể về vật-chất. Như thế tất nhiên tâm được luôn thọ dụng cảnh an-thường,

Đối với xứ ta, quan-cảnh chùa chiền ở Lào không bì kịp, nhưng về sự thuần-túy của Đạo Phật, thì xứ ta thua xa; vì tuy xứ ta cũng lắm người phát-tâm tu-hành, nhưng sự bền chí, kinh-tin thì phần ít.

Về phần trường học Phật và sự học ở Lào, thì hình-thức cũng không mở mang lắm: chúng học bên nhà tăng các chùa như sự học Phật xứ ta cách mười năm về trước, chứ không cất trường riêng. Chỉ có hai chỗ dạy : 1) Chùa Sisaket có hai lớp. 2) Chùa Vat-chanh có bốn lớp : từ nhất-niên tới tứ-niên theo thi-giờ học có hai buổi, mai học từ 9 giờ tới 11 giờ, chiều từ 2 tới 4 giờ. Trường này chuyên rông dạy kinh chữ Pali cho biết phép tu-hành, chứ không xen lộn thế-pháp; còn trường học Phật ở Cao mên xen lộn thế-pháp nhiều. Vì thế hình như ở xứ Lào, các thầy phần nhiều giới hạnh kỹ-càng; còn ở Cao-Mên, các thầy có ý thông-thái hơn.

Tôi thiết nghĩ việc học chữ Pali rất cần cho anh em thanh-niên học Phật ở xứ ta, 1) là dễ dễ tra

cứu Kinh-diễn, 2) là để giao thiệp với Đạo-hữu các xứ Ấn-độ, Cao-mên, Ai-lao v.v... Chính Ngài Narada cũng thường nhắc đến sự cần thiết ấy.

Còn về cách giao-thiệp, thì các thầy thường giữ một thái-độ đạm-bạc nhưng cũng rất thân-mật ; không có những lời đón tiếp đưa rước như ở thế gian. Các thầy gặp nhau bất kỳ ở xứ nào tới, thường xem nhau như tăng-chúng một chùa, không có chút chi là khách-chủ. Tôi đã nghiệm thấy điều ấy lúc ở chùa Vathabeau (Thakhet) và ở chùa Sisakhet. Tánh-tình đối-đãi như vậy rất hay, vì nếu có chuộng lặt phải có khinh, như vậy còn ở trong vòng tương-đối. Nhưng, nói đạm-bạc mà rất chực-đáo, như lúc tôi ở chùa Sisakhet, Hòa-thượng giữ tôi ở lại nhà tăng an-ngủ, có bữa dọn giường, chiếu, mùng, gối mới sạch - sẽ, đủ các vật cần-thiết cho dùng. Ở với Ngài hai ngày đêm, được Ngài và ông đệ-tử Pha-Thong của Ngài hết lòng thương yêu. Tôi cũng coi Ngài như bổn-sư của tôi, và coi ông Pha-Thong cũng đại-chúng như anh em trong trường dưới mình. Nhờ Ngài và ông Pha-Thong có biết tiếng Annam và tiếng Pháp nên cũng dễ bề giao-hiệp.

Nói tóm lại, cách giữ giới-hạnh, cùng cách tổ-chức tăng-chúng ở Ai-lao làm cho chúng ta phải kính-phục và là một gương sáng chúng ta nên noi theo.

SỰ GIAO-THIỆP

Như trên đã nói, từ khi gặp nhau, các đại-biểu Cao-Mên và chúng tôi đã thành như một đoàn-thể, sự giao-thiệp rất là mật-thiết. Lên Vientiane chúng tôi lại được gặp các đạo-hữu trong Hội Phật-giáo Vientiane là các ngài đốc-học Trần-văn-Phủ, Hội-trưởng Đỗ-mai-Phúc, Lê-kim-Tuyên, Trần-viết-Cần, và các Sư

Cụ Đại - hải và Tuệ-chiều đại-biểu của Bắc-kỳ Phật-Giáo Hội. Chúng tôi gặp nhau rất vui vẻ và có đến thăm chùa đương cất của Hội Phật-giáo Vientiane và bàn bạc các cách thờ tự để tránh sự chia rẽ trong các hàng tín-dồ Phật-Giáo. Lễ đáng đến sáng 30 Avril chúng tôi phải về theo chaloupe, nhưng nhờ Ngài hoàng Phetsarath hứa sẽ cho xe điện đưa tới Patsan nên còn ở lại được thêm một ngày tại Vientiane. Sáng 30 Novembre dự buổi nhóm Institut Bouddhique, đến 11 giờ vào bệ-kiến quốc-vương Ai-lao, 12 giờ ăn cơm trưa tại tòa Khâm-sứ. Chiều hôm ấy chúng tôi đi chiêm-bái tháp Luông, trong ấy tục truyền có xá-lợi của Phật. Tháp Luông là một tháp rất lớn, rất cao, rất khéo, chừng bằng mười tháp Linh-mụ. Chiều hôm ấy vua ban đôi bệ-kiến và ban cho tôi tư hạng vận-lượng bội-tinh. Vua dạy : Ngài rất bằng lòng về phong trào chấn-hưng Phật-giáo ở xứ Annam và sự nhận rõ thuần-túy Phật-pháp của hội. Nên nhân dịp này Ngài muốn ban cho tôi một kỷ niệm gọi là tùy-hỷ về những Phật-sự đã làm, trông mong một ngày kia Phật-pháp sẽ thanh-hành ở xứ Annam, như ở xứ Ngài vậy. Đối với đặc - ân của vua, tôi chỉ biết bái tạ và ước mong tâm lòng hộ-pháp của Ngài vượt ra ngoài cương-giới nước Ai-lao và nhờ đó hội Annam Phật-học cũng được thấm nhuần mà mau đạt đến mục-dích. Tối hôm ấy chúng tôi đến Cercle Lào dự tiệc tiễn-hành của ngài hoàng Phetsarath để cho ngài vui lòng Nhơn dịp gặp Ngài, chúng tôi có nói đến hội Phật-giáo Vientiane, nhờ ngài giúp đỡ cho hội ấy mau phát đạt. Trong tiệc này, ngài Hoàng có tỏ ít lời cảm tạ, ông Dupont thay mặt các đại-biểu trả lời, rồi sư cụ Tuệ-chiều cũng đọc một bài diễn văn. Điều đặc-biệt nhất trong bữa tiệc là được thưởng thức âm nhạc đã đến chỗ tuyệt-diệu của xứ Ai-lao, nhất là kèn của một nhạc-sĩ trứ-

danh đã làm cho mỗi người thân-phục.

Về việc giao-thiệp với sơn-môn, thầy Thiện-Hòa trong lúc ở chùa được Hòa-thượng từ-mẫn thương như đệ tử của ngài, việc tổ - chức ở chùa rất có trật-tự, nhiều đều đáng bắt chước lắm.

CÁCH LIÊN LẠC PHẬT-GIAO ĐỒ HAI XỨ.

Xét Phật-giáo ở xứ Ai-lao thì biết tuy Pháp-bảo không rộng, nhưng tín ngưỡng thuần-lúy hơn xứ ta nhiều lắm. Nếu liên-lạc được hai xứ thì cả hai đều được ích lợi; ích lợi cho Ai-lao về phần đạo-tý, ích lợi cho xứ ta về phần giới-hiạnh và tổ chức, nhưng muốn được vậy thì cần phải hiểu nhau. Chúng ta không thể không trông mong các thầy Ai-lao học chữ nho, vậy chúng ta cần phải học tiếng Pali mới tiên bề giao-thiệp. Tôi đã tỏ ý ấy trong các buổi nhóm của Institut Bouddhique mà tôi được dự thì khi ông Dupont có hứa sẽ tìm cách gửi thầy dạy chữ Pali khi được thời hội mới. Chúng tôi lại trông mong sự tri-giới ở trường Phật-học mỗi ngày mỗi nghiêm-chỉnh để tổ-chức một đoàn-thể Tăng-già hoàn toàn về tương-lai.



PRATIQUE DE LA MÉDITATION

(Suite)

III. Respiration Bouddhique

Certaines autorités, comme le Dr Cassins Pereira de Ceylan, ne recommandent pas les exercices respiratoires yogiques et même ce dernier écrit : « Vraiment la respiration normale ne doit à aucun moment être forcée ou suspendue. On doit seulement observer les respirations et noter leurs variations jusqu'à ce qu'on atteigne la concentration absolue de l'esprit.

Les comptes

La respiration avec les comptes comme moyen de fixer l'attention sert à amener le débutant à la concentration. Voici la méthode que deux maîtres de l'école Zen conseillent aux débutants et qui a été recommandée aussi par certains Bhikhus de Ceylan.

En respirant compter mentalement jusqu'à 50 ou 100, sans laisser intervenir la moindre distraction d'esprit, et continuer si possible ainsi jusqu'à 300.

Si on arrive à compter jusqu'à 100 (10 fois 10) sans aucune distraction, on a appris à se concentrer, on est alors apte à méditer.

« La méthode la plus simple est de s'intéresser à ce que l'on fait de compter sans que cela devienne mécanique ou fatiant, puis passer graduellement au sujet de la méditation. Choisir d'abord un sujet qui vous intéresse intégralement. Etre précis, préparer le sujet de votre méditation. Tenir compte du facteur Temps, ne pas lutter, la résistance mentale diminuera graduellement » dit le Dr Kirby, abbé de la secte Zen.

« En effet, si appliqué que l'on soit sur son sujet,

on ne pourra éviter les difficultés initiales, les retours de pensées étrangères, entraînement que le commençant ne se rebute pourtant pas, un entraînement répété et une volonté soutenue, donnent toujours des résultats, même parfois plus rapidement que l'on ne pouvait s'y attendre » dit le Bhikkhu Narada Thero,

Ces indications figurent ici à titre d'information et pour répondre à des questions souvent posées.

Afin d'éviter toute confusion, dans les exercices de méditation, des indications précises seront données, (selon la méthode Bouddhiste de l'école du Sud) sur la position, la respiration, la pensée répétitive et le développement (Bhavana) de la méditation sur un sujet donné, dans les plans à suivre en méditant. Plus tard on peut méditer sans avoir recours à ces guides.

Les empêchements

Après que la position et la respiration sont établies pour commencer la méditation même, il faut pouvoir vider son esprit de ce que l'on appelle : « les empêchements à la méditation » avec le but d'établir un état d'esprit calme et lucide, nécessaire pour obtenir la concentration.

Il y a cinq états d'esprit (ou espèces de pensées) appelés les empêchements à la méditation. Ce sont :

1. La convoitise.
2. Le mauvais vouloir. Colère, ressentiment, etc...
3. La paresse mentale.
4. Les pensées harcelantes.
5. Le doute (sur l'Enseignement ou la Loi).

Afin de chasser ces pensées (pour les bannir de l'esprit), le Bhikkhu Silacara propose plutôt que de lutter

contre les empêchement de concentrer son attention sur une pensée opposée. Par exemple, si on a une pensée malveillante, ne pas lutter contre cette idée, mais essayer immédiatement de faire naître dans votre esprit une pensée de bienveillance qui chasse l'autre pensée.

Donc :

1. Avant réglé la posture.
2. Etabli la respiration égalisée et rythmique.
3. Débarrassé son esprit des idées qui empêchent la méditation.
4. Et s'étant concentré sur le sujet choisi, on peut commencer la méditation.

Résumé des conseils :

Choisir un sujet qui intéresse. Employer les pensées répétitives. Ne pas fatiguer l'esprit. Persévérer.

CHAPITRE IX

Méditation paix

Exposé de la méthode. Plan à suivre

Méditation paix

Rappelez-vous qu'il n'y a pas de « Bouddhisme » ce terme que l'Occident inventa pour toute une série de croyances et de pratiques accumulées autour du Dhamma. La loi enseignée par le Bouddha.

Quelle est la Loi ? Un terme général pour la grande Loi de cause et effet qui réglemente l'Univers et que les lois minimes ne violent jamais. Si on purifie et entraîne son esprit par une discipline savante, certains résultats, suivant cette loi, sont inévitables. La paix et

la compréhension seront gagnées. Donc nous pouvons nous servir de cette loi inexorable pour notre avantage.

De tous les sujets utiles à méditer pour nous dans notre vie moderne, la Paix semble le mieux indiqué, car elle est une nécessité pour développer notre vie intérieure et pour l'avancement de notre vie spirituelle. De plus cette méthode présentée ici est mise à la portée de tous, est, pour une savante combinaison des exercices respiratoires, purement Bouddhiste et certains de nous procurer la tranquillité et la concentration.

Ainsi on arrive par étapes à développer la méditation et par de courtes pauses, à effacer de son esprit les pensées discursives pour se baigner dans le silence de la Pensée pure. Nous donnons cette méthode au débutant, telle qu'elle nous a été donnée par un ermite canadien le Samana Mahinda, méditant dans la forêt. Il l'avait pratiqué avec son instructeur la Samana Siliva, qui l'a élaborée pour permettre à des Occidentaux de méditer.

Nous donnons ensuite un tableau plus abrégé, en conseillant au débutant de l'avoir sous les yeux et de le « mémoriser » le plus tôt possible.

Les trois salutations Ti-Sarana : au Bouddha, à sa loi et à la Communauté de ceux qui suivant cet enseignement sont récitées au début de toute méditation à Ceylan, c'est une très ancienne coutume qui a son utilité.

Ceux qui ne sont pas Bouddhistes et ne comprennent pas encore la révérence, la reconnaissance due au Compatissant à sa sagesse, n'ont qu'à commencer par les respirations longues et courtes. Il est bon pour nous tous de pratiquer cette méditation sur la Paix à tous les stades, d'abord et pendant longtemps comme méditation unique et ensuite comme méditation préparatoire avant d'aborder la méditation sur un autre sujet.

Exposé de la méthode

Il est nécessaire d'être dans une pose confortable en détente absolue de demeurer absolument tranquille, sans avoir à se déplacer. L'essentiel est de se tenir de façon que la colonne vertébrale soit absolument droite.

Le souffle doit être inhalé et exhalé par le nez, jamais par la bouche.

L'étudiant doit apprendre à centrer son attention sur son front entre les deux yeux et suivre le va-et-vient du souffle. Le commençant aura un peu de difficulté à observer ces instructions, mais il arrivera à obtenir cette maîtrise.

Pour arriver à méditer, cela ne dépend que de son propre effort, avec de la sincérité et de l'application l'élève doit sûrement arriver à un résultat.

Cette méthode a été établie pour être pratiquée par tous, sans aucun danger, elle se sert de la concentration (ou attention à la respiration) selon données purement bouddhiques.

Pour les commençants il est préférable que plusieurs personnes pratiquent ensemble, afin de contrôler si l'exercice de respiration est bien compris et pratiqué. Une fois entraîné on doit habituellement pratiquer seul.

Commencer par dire les trois refuges: les salutations au Bouddha, au Dharma, au Sangha.

Pratiquer ensuite l'exercice de respiration suivant:

Fermer les yeux, se dire:

« J'aspire longuement » 10 fois « J'aspire brièvement » 10 fois
« J'aspire longuement » « J'aspire brièvement ».

Pendant ces aspirations suivre avec la pensée l'aspiration et l'expiration. Suivre le souffle attentivement,

sentir son passage sur la cloison nasale. Ne jamais respirer par la bouche. Respirer doucement, aisément, sans contraction.

Commencer par 10 respirations, puis augmenter d'une chaque semaine suivante. Ensuite respirer normalement 30 fois (aspiration-expiration).

Laisser la respiration s'établir normalement en gardant l'esprit attentif à la respiration.

Maintenant l'esprit est préparé à la méditation.

Nous prenons comme sujet de méditation: la Paix.

A.— Dites : Je suis la paix

Je suis entouré de paix.

Je demeure en sûreté dans la paix.

La paix m'abrite.

La paix me soutient.

La paix est en moi.

Cette paix est mienne. Tout est bien.

Penser Paix.

Pendant quinze secondes pensez à ce que signifie la paix, essayez de comprendre la signification de la paix, de ressentir une impression de Paix absolue. Prenez votre temps, pensez avec attention sans hâte et avec clarté. Comprenez que vous dirigez consciemment l'esprit par l'esprit (le conscient par le subconscient).

B.— Arrêter de penser

Effacez les pensées verbales, pendant quinze secondes, arrêtez votre pensée, considérez seulement votre respiration, concentrez-vous, soyez immobile, soyez silencieux de façon que l'idée, la signification, la sensation de paix puisse descendre en vous, être absorbée, faire son chemin en vous, restez seulement conscient de votre respiration, dirigez l'esprit par l'esprit.

(à suivre)

LỄ TIẾP RƯỚC ĐOÀN ĐẠI- BIỂU CAO-MAN



Đoàn Đại-biểu Cao-Man lên Vientiane dự-lễ khánh-thành Vat Phrakeo lúc trở về có hứa sẽ đến thăm Hội và chùa Hội-quán.

Ngày 3 Mai, Tổng-trị-sự đem ô-tô lên ga Huế đón, các Ngài về biệt-xá của Đạo-hữu Lê-dinh-Thám dùng cơm trưa, rồi các vị Cư-sĩ là các Ngài : M. Yceurn-Chœum, ông Sơn-ngọc-Thanh, Chhim-Kiasene và Nhiengkhoon lưu-trú tại đây, còn các Thầy : Préas Krou Viney Thor, Préas Pothivongsacarya Prith, Préas Balat Gliosanagh, Préas Samaha Sakyannana về nghỉ tại chùa Bão-quốc.

Chiều lại, đoàn Đại-biểu đến thăm chùa Hội-quán, có các thầy Chứng-Minh và cụ Hội-trưởng cùng Ban-biên Tổng-trị-sự và Trị-sự Tỉnh-hội Thừa-thiên nghênh-tiếp.

Lễ Phật xong, cụ Hội-trưởng mời các Ngài qua nhà tăng dự tiệc trà. Trong lúc ấy cụ Hội-trưởng có tỏ lời cảm ơn các Ngài đã có mỹ-ý đến thăm hội và trông mong cho tình liên-lạc hai hội sẽ mỗi ngày càng thêm thân-mật. Các thầy Cao-Man, liền khi ấy, đọc Kinh cầu nguyện cho hội được mọi sự lành.

Vì có thầy Thiện-Hòa và Đạo-hữu Lê-dinh-Thám đã quen với đoàn Đại-biểu trong lúc cùng đi, cùng về, và cùng ở tại Vientiane đã hơn 2 tuần, nên cuộc hội họp hết sức thân mật.

Tối ấy Đoàn Đại-biểu lại về dự tiệc tại nhà Đạo-hữu Lê-dinh-Thám và sáng ngày 4 khởi hành về Cao-Man.

Ước ao sao các Hội Phật-học năm xứ sẽ thường có nhíp tiếp xúc với nhau để thắt-chặc mối tình giữa bạn đồng-đạo và để cùng nhau chung-sức hoằng-dương chánh-pháp cho được rộng lớn.

TIN TỨC

BAN TỔNG TRỊ-SỰ NĂM 1942

Ngày 5 và 6 Mars 1942, Ban Tổng-Hội-Đồng Toàn kỳ đã nhóm tại Hội quán Tỉnh-Hội Thừa-thiên để bàn các công-việc Hội và bầu ban Tổng-trị-sự như sau này :

Chánh-hội-Trưởng ... Cụ Ưng-Bằng
Cố-vấn Đạo-Đức Ngải Đắc-Quang
Giáo-ly Kiểm-duyet .. Ô. Lê-dinh-Thám
Phó-hội-Trưởng Ô. Lê-quang-Phước
Kiểm-sát Ngân-sách .. Ô. Phạm-hữu-Chuẩn
Chánh-thư-ký Ô. Lê-văn-Dinh
Phó-thư-ký Ô. Bửu-Bác
Chánh-thư-quý Ô. Đặng-ngọc-Sách
Phó-thư-quý Ô. Phạm-quang-Hòa
Chuống thư-lịch Ô. Lê-viết-Cửa
Kiểm-sát Thầy Ng.vĩnh-Thừa

Các ông: Nguyễn-văn-Quý

Đặng-ngọc-Chương

Phan-v-Bích

HÁN-VIỆT TỰ-ĐIỂN

Nhà in Đuốc-Tuệ hội Phật-Giáo

Bắc-kỳ xuất bản

Đủ hết chữ Nho, âm nghĩa đối chiếu, cắt nghĩa rất kỹ, mỗi nghĩa đều có dẫn một câu thí dụ bằng chữ Nho và giải cả nghĩa câu chữ Nho nữa. Chữ nào thuộc về kinh Phật, lại cắt nghĩa theo sách Phật cho tiện cả người học Nho và học Phật.

Bộ này chia làm hai tập :

Tập I, BỊ YẾU, đủ hết các chữ cần dùng, giá 7p.00, đóng kỹ 8p.00

Tập II, BỊ KHẢO, đủ các chữ cổ chữ kim, giá 5p.00, đóng kỹ 6p.00

Đến tháng mười ta này xong tập BỊ YẾU.

Sách in có ít, ngài nào muốn mua xin viết thư về cho :

M. NGUYỄN-HỮU-KHA

73, Phố Richaud — Hanoi.

PHẬT - HỌC TUNG - THU

CỦA HỘI ANNAM PHẬT-HỌC (S. E. E. R. B. A.)

XUẤT BẢN BA LOẠI SÁCH

MỤC A. — Phật-Học thường-thức

MỤC B. — Phật-Học nghiên cứu

MỤC C. — Phật-Học kinh-diễn

ĐÃ XUẤT BẢN

MỤC A. — quyển 1: **Phật Giáo và Đức-Dục**
của Đinh-văn-Vinh

» 2: **Đời Vui**
của Ngọc-Thừa

» 3: **Nghĩa Chữ Cho**
của Nguyễn-hữu-Quán

» 4: **Thanh-niên Đức dục**
của Đinh-văn-Nam

» 5: **Phật Giáo và**
thanh-niên đức-dục
của Phạm-hữ-Bình

Mỗi quyển 0\$10

MỤC B. — quyển 1: **Thiện Ác Quả Báo**
của thầy Trí-Độ

Mỗi quyển 0\$15

SẴP XUẤT BẢN

MỤC C. — quyển 1: **Bát-Nhã Tâm Kinh**

MỤC B. — quyển 2: **Nhơn-Quả Luân-Hồi**

Mua lẻ, xin do các tỉnh-hội và các chi-hội.

Thơ-từ bài-vỡ, xin gửi cho :

ANNAM PHẬT-HỌC-NỘI Tổng-trị-sự

Boîte postale N° 73 à Hué

Ngân-phiếu trả tiền sách, xin đề :

Monsieur **PHẠM-VĂN-VI**

S. E. E. R. B. A. Phan-rang